

Số: 407/QĐ-UBND

Cát Tiên, ngày 18 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hồ trợ vật tư, kỹ thuật canh tác cây lúa nước
tại thị trấn Cát Tiên năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về thực hiện một số nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Ban hành định mức kinh tế-Kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định tỷ lệ quay vòng vốn, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về quy định quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 223/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 224/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định về nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị, nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án, sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất cộng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Hướng dẫn số 2611/HD-SNN ngày 19/10/2023 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và PTNT thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND huyện Cát Tiên về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Cát Tiên về việc chi chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024 để tiếp tục theo dõi, quyết toán trong năm 2024;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (DA 2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tại Báo cáo số 06/BC-TTĐ ngày 05/8/2024 về kết quả thẩm Dự án hỗ trợ vật tư, kỹ thuật canh tác cây lúa nước tại thị trấn Cát Tiên năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ vật tư, kỹ thuật canh tác cây lúa nước tại thị trấn Cát Tiên năm 2024, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Dự án hỗ trợ vật tư, kỹ thuật canh tác cây lúa nước.
2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nông nghiệp huyện.
3. Thời gian thực hiện: Năm 2024
4. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn thị trấn Cát Tiên.
5. Về đối tượng tham gia thực hiện dự án

Đối tượng tham gia thực hiện dự án là Nhóm cộng đồng dân cư của cộng đồng canh tác cây lúa nước tại thị trấn Cát Tiên gồm 12 thành viên, cụ thể:

- Hộ hưởng lợi từ dự án: 11 hộ (01 hộ nghèo; 02 hộ cận nghèo; 08 hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo).

- Hộ làm kinh tế giỏi: 01 hộ (là người đại diện nhóm cộng đồng, không hưởng lợi từ dự án); cụ thể như sau:

+ Họ tên người đại diện cộng đồng dân cư do Bà Hồ Thị Lâm – PCT Hội nông dân thị trấn, Hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi - làm Nhóm trưởng

- Số CCCD: 038171020165, ngày cấp 09/5/2021, nơi cấp: Cục quản lý hành

chính về trật tự xã hội.

6. Nội dung của dự án

Dự án Hỗ trợ canh tác cây lúa nước tại thị trấn Cát Tiên năm 2024 thuộc Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (DA2).

6.1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thực hiện phát triển mô hình canh tác cây lúa nước.

- Quy mô: 9,9 ha/11 hộ.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024

- Đối tượng tham gia: Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Hình thức đầu tư: Nhà nước hỗ trợ mua vật tư nông nghiệp và chi phí khác với kinh phí không quá 60% tổng chi phí cho 01 dự án. Nhân dân đóng góp không thấp hơn 40% kinh phí được tính bằng hiện vật là phân chuồng, phụ phẩm khác và công lao động.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật của vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

*** Phân bón NPK đầu trâu TE 01**

- Thành phần: Đạm (N_{ts}): 20%; Lân (P_2O_{5hh}): 12%; Kali (K_2O_{hh}): 7%; Lưu huỳnh (S): 1,5%; TE: Zn (160 ppm); B (120 ppm)...

- Sản xuất tại Nhà máy phân bón Bình Điền - Long An

- Địa chỉ: Xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An

*** Phân bón NPK đầu trâu TE 02**

- Thành phần: Đạm (N_{ts}): 18%; Lân (P_2O_{5hh}): 4%; Kali (K_2O_{hh}): 22%; Lưu huỳnh (S): 1%; TE: Zn (120 ppm); B (90 ppm)...

- Sản xuất tại Nhà máy phân bón Bình Điền - Long An

- Địa chỉ: Xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An

*** Phân lân nung chảy văn điển:**

- Thành phần: P_2O_5 = 15 – 17%; CaO = 28 – 34%; MgO = 15 – 18%; SiO_2 = 24 – 30% và các chất vi lượng như B, Mn, Zn, Cu, Co...

- Sản xuất tại Công ty cổ phần phân lân nung chảy văn điển

Địa chỉ: xã Tam Hiệp, Thanh trì, Hà Nội

*** Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC**

- Hoạt chất: Hexaconazole: 50g/l

- Sản xuất tại Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

- Địa chỉ: Phường Long bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

*** Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC**

- Hoạt chất: Abamectin 3.6g/l
- Sản phẩm của công ty CP Việt Thắng GROUP
- Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

*** Thuốc trừ bệnh Amistar Top 325SC**

- Thành phần hoạt chất: Azoxystrobin 200g/L + Difenconazole 125g/L + phụ gia và dung môi 785g/L
- Đăng ký và đóng chai: Công ty TNHH Syngenta Việt Nam. Địa chỉ: Số 16, đường 3A, KCN Biên Hòa II, Đồng Nai.

*** Thuốc trừ cỏ Windup 500 EC**

- Thành phần: Pretilachlor... 500g/l + Chất an toàn Fenclorim ... 150g/l
- Sản xuất tại Công ty TNHH TM Tân Thành
- Địa chỉ: Huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ

b) Chi phí khác: Hỗ trợ chi phí Tổ thăm định và Chi phí quản lý.

6.2. Dự toán kinh phí thực hiện.

Stt	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	ND tự đầu tư (đồng)
I	Chi phí trực tiếp	ha	9,9		260.384.850	149.009.850	111.375.000
	Giống, vật tư cho 1,0 Ha				26.301.500	15.051.500	11.250.000
1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	Kg	300	18.000	5.400.000	5.400.000	
2	Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	Kg	300	19.000	5.700.000	5.700.000	
3	Phân lân nung chảy Văn Điển	Kg	200	5.800	1.160.000	1.160.000	
4	Thuốc Windup 500EC	Lít	1	339.000	339.000	339.000	
5	Thuốc Reasgant 3,6EC	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	
6	Thuốc Anvil 5SC	Lít	2	305.000	610.000	610.000	
7	Thuốc Amistar Top 325 SC	Lít	1	1.520.000	1.520.000	1.520.000	
8	Phân chuồng	Tấn	3	1.250.000	3.750.000		3.750.000
9	Công lao động	Công	30	250.000	7.500.000		7.500.000
					7.450.493	7.450.493	
II	Chi phí khác				1.750.000	1.750.000	
1	Hỗ trợ kinh phí tổ thăm định						
1.1	Tổ trưởng	Người	1	400.000	400.000	400.000	-
1.2	Tổ Phó	Người	2	300.000	600.000	600.000	-
1.3	Thành viên tổ thăm định	Người	5	100.000	500.000	500.000	-
1.4	Thư ký tổ thăm định	Người	1	250.000	250.000	250.000	-
					5.700.493	5.700.493	-
2	Chi phí quản lý						
	Cộng				267.835.343	156.460.343	111.375.000

Tổng chi phí dự án: 267.835.343 đồng. Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng).

Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp (Hỗ trợ phân bón, thuốc BVTV): 260.384.850 đồng. Trong đó: Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ: 149.009.850 đồng (tương đương 57,23%). Hộ dân đối ứng kinh phí với số tiền: 111.375.000 đồng (tương đương 42,77%).

- Kinh phí hỗ trợ gián tiếp (chi phí Tổ thăm định và Chi phí quản lý):

7.450.493 đồng.

6.3. Nội dung và chi phí thực hiện của các hộ dân tham gia dự án

(Kèm theo danh sách)

6.4. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí thực hiện các Chương MTQG năm 2024 theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 và Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Cát Tiên.

6.5. Phương thức hỗ trợ:

- Đối với kinh phí hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua phân bón, thuốc BVTV (tương ứng tối đa không quá 60% kinh phí thực hiện dự án). Nhân dân đối ứng phần kinh phí còn lại (tương ứng tối thiểu 40% kinh phí thực hiện dự án) và tự đầu tư các chi phí sản xuất khác.

- Đối với chi phí Tổ thẩm định và Chi phí quản lý: Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí.

6.6. Phương án mua sắm và đầu mối mua sắm phục vụ dự án: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

7. Hình thức quay vòng vốn

- Tỷ lệ quay vòng vốn: Tỷ lệ quay vòng vốn là 5% trên tổng số kinh phí nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân

- Hình thức quay vòng: Đại diện cộng đồng tổ chức thu hồi 5% vốn quay vòng của 100% hộ dân tham gia dự án, tổ chức bình xét, luân chuyển vốn để mở rộng sản xuất và thu nộp ngân sách nhà nước qua Trung tâm Nông nghiệp huyện khi kết thúc dự án.

(Kèm theo phụ lục)

8. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định

9. Giải pháp tài chính xử lý các rủi ro: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định

Điều 2.

1. Trung tâm Nông nghiệp huyện (*đơn vị chủ đầu tư*):

- Chịu trách nhiệm toàn diện về Dự án hỗ trợ vật tư, kỹ thuật canh tác cây lúa nước tại thị trấn Cát Tiên năm 2024.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án. Tổ chức đánh giá hiệu quả dự án và có giải pháp duy trì, nhân rộng dự án trên địa bàn.

- Thực hiện việc hỗ trợ, thanh quyết toán theo đúng quy định; thu khoản kinh phí quay vòng vốn và nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại kho bạc theo quy định tại Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh.

- Thực hiện đảm bảo các nội dung, yêu cầu theo Báo cáo số 06/BC-TTĐ ngày 05/8/2024 của Tổ thẩm định Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo về thẩm định Dự án hỗ trợ vật tư, kỹ thuật canh tác cây lúa nước tại thị trấn Cát Tiên năm 2024.

2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án.

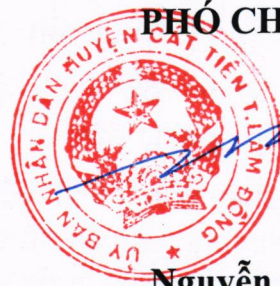
3. Phòng Tài chính – Kế hoạch: Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện thủ tục thanh quyết toán nguồn vốn của dự án đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, thủ trưởng các cơ quan: Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Nông nghiệp và PTNT; Trung tâm Nông nghiệp; Kho bạc Nhà nước Cát Tiên; Chủ tịch UBND thị trấn Cát Tiên; thành viên Tổ thẩm định theo Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của UBND huyện căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, LĐTBXH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Trí

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG TẠI THỊ TRẤN CÁT TIÊN

Hạng mục hỗ trợ: Hỗ trợ vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật canh tác cây lúa

(Kèm theo Quyết định số ~~707~~ /QĐ -UBND ngày 08/8/2024 của UBND huyện Cát Tiên)

Stt	Tên nông hộ	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động
A	Hỗ trợ trực tiếp vật tư mô hình canh tác cây lúa							260.384.850	149.009.850	111.375.000
1	Trần Thị Hồng Tư	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	
2	Phạm Thị Hồng	0,4	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	120,0	18.000	2.160.000	2.160.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	120,0	19.000	2.280.000	2.280.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	80,0	5.800	464.000	464.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	0,4	339.000	135.600	135.600	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	0,6	215.000	129.000	129.000	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	0,8	305.000	244.000	244.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	0,4	1.520.000	608.000	608.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	1,2	1.250.000	1.500.000	-	1.500.000
			Công lao động	30	Công	12,0	250.000	3.000.000	-	3.000.000
CỘNG							10.520.600	6.020.600	4.500.000	

Stt	Tên nông hộ	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động
3	Vũ Văn Thức	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	
4	Chu Thanh Lâm	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	
5	Nguyễn Văn Hóa	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	

Stt	Tên nông hộ	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động
6	Vũ Văn Hồng	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	
7	Nông Thị Từ	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	
8	Vũ Văn Trường	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	

Stt	Tên nông hộ	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động
9	Nguyễn Văn Thanh (vợ Vũ Thị Xuân)	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	
10	Nông Văn Công	1	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	300,0	18.000	5.400.000	5.400.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	300,0	19.000	5.700.000	5.700.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	200,0	5.800	1.160.000	1.160.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	1,0	339.000	339.000	339.000	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	1,5	215.000	322.500	322.500	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	2,0	305.000	610.000	610.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	1,0	1.520.000	1.520.000	1.520.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	3,0	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000
			Công lao động	30	Công	30,0	250.000	7.500.000	-	7.500.000
CỘNG							26.301.500	15.051.500	11.250.000	
11	Điền Thị Ròng	0,5	Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	150,0	18.000	2.700.000	2.700.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	150,0	19.000	2.850.000	2.850.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	100,0	5.800	580.000	580.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	0,5	339.000	169.500	169.500	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	0,8	215.000	161.250	161.250	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	1,0	305.000	305.000	305.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	0,5	1.520.000	760.000	760.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	1,5	1.250.000	1.875.000	-	1.875.000
			Công lao động	30	Công	15,0	250.000	3.750.000	-	3.750.000
CỘNG							13.150.750	7.525.750	5.625.000	

Stt	Tên nông hộ	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động
Tổng hợp vật tư, phân bón, công lao động thực hiện Dự án			Phân NPK đầu trâu TE 01 (20:12:7)	300	Kg	2.970,0	18.000	53.460.000	53.460.000	-
			Phân NPK đầu trâu TE 02 (18:4:22)	300	Kg	2.970,0	19.000	56.430.000	56.430.000	-
			Phân lân nung chảy Văn Điển	200	Kg	1.980,0	5.800	11.484.000	11.484.000	-
			Thuốc Windup 500EC	1	Lít	9,9	339.000	3.356.100	3.356.100	-
			Thuốc Reasgant 3,6EC	1,5	Lít	14,9	215.000	3.192.750	3.192.750	-
			Thuốc Anvil 5SC	2	Lít	19,8	305.000	6.039.000	6.039.000	-
			Thuốc Amistar Top 325 SC	1	Lít	9,9	1.520.000	15.048.000	15.048.000	-
			Phân chuồng	3	Tấn	29,7	1.250.000	37.125.000	-	37.125.000
			Công lao động	30	Công	297,0	250.000	74.250.000	-	74.250.000
CỘNG								260.384.850	149.009.850	111.375.000
B Hỗ trợ gián tiếp								7.450.493	7.450.493	
1			Hỗ trợ kinh phí tổ thẩm định					1.750.000	1.750.000	
			Tổ trưởng		Người	1,0	400.000	400.000	400.000	
			Tổ Phó		Người	2,0	300.000	600.000	600.000	
			Thành viên tổ thẩm định		Người	5,0	100.000	500.000	500.000	
			Thư ký tổ thẩm định		Người	1,0	250.000	250.000	250.000	
2			Chi phí quản lý					5.700.493	5.700.493	
TỔNG CỘNG (A+B)								267.835.343	156.460.343	111.375.000



BẢNG DỰ TOÁN THU KINH PHÍ TỶ LỆ QUAY VÒNG VỐN

(Kèm theo Quyết định số 107/QĐ -UBND ngày 08/8/2024 của UBND huyện Cát Tiên)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Họ và tên	Đối tượng	Địa chỉ	Kinh phí nhà nước hỗ trợ	Thu kinh phí quay vòng vốn (5%)	Ghi chú
1	Trần Thị Hồng Tư	Nghèo 2024	TDP 8	15.051.500	752.575	
2	Phạm Thị Hồng	Thoát nghèo 2024	TDP 3	6.020.600	301.030	
3	Vũ văn Thức	Thoát nghèo 2023	TDP 4	15.051.500	752.575	
4	Chu Thanh Lâm	Cận nghèo 2024	TDP 10	15.051.500	752.575	
5	Nguyễn văn Hóa	Thoát nghèo 2024	TDP 10	15.051.500	752.575	
6	Vũ Văn Hồng	Thoát nghèo 2024	TDP 10	15.051.500	752.575	
7	Nông Thị Tươi	Thoát nghèo 2023	TDP 10	15.051.500	752.575	
8	Vũ Văn Trường	Thoát nghèo 2023	TDP 5	15.051.500	752.575	
9	Nguyễn Văn Thanh	Thoát nghèo 2024	TDP 4	15.051.500	752.575	
10	Nông Văn Công	Thoát nghèo 2023	TDP 4	15.051.500	752.575	
11	Điền Thị Ròng	Cận nghèo 2024	Bản Bungo	7.525.750	376.288	
Tổng cộng				149.009.850	7.450.493	

